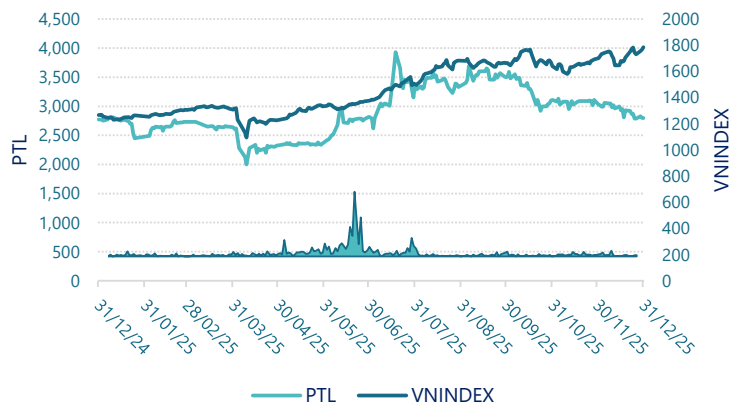


CTCP Victory Capital (HSX: PTL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,930
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,170
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	280
P/E	20.7
EPS	135

DT thuần

Q4/25

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0 | -11.6%

YoY: ▲ 13.0 | 11.9%

LN sau thuế

Q4/25

8.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.20 | 65.7%

YoY: ▲ 27.2 | 142%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.8%

+/- YoY: ▲ 19.8%

DT thuần

2025

494

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 226 | 84.2%

LN sau thuế

2025

16.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.4 | 140%

ROE

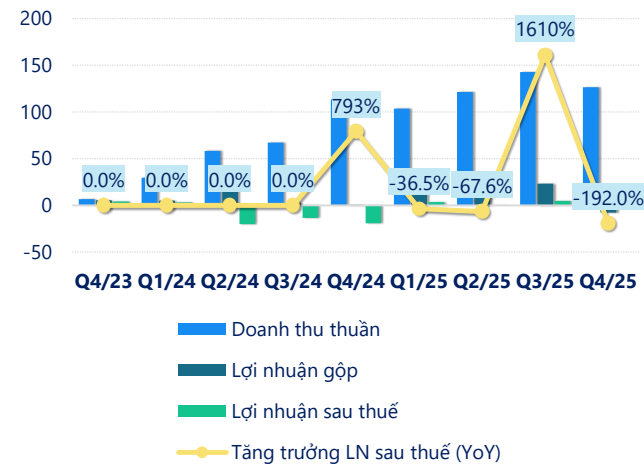
2025

2.7%

+/- YoY: ▲ 12.6%

tỷ VNĐ

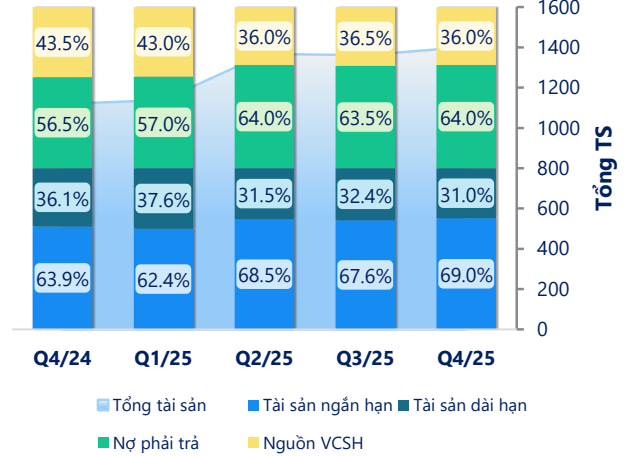
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

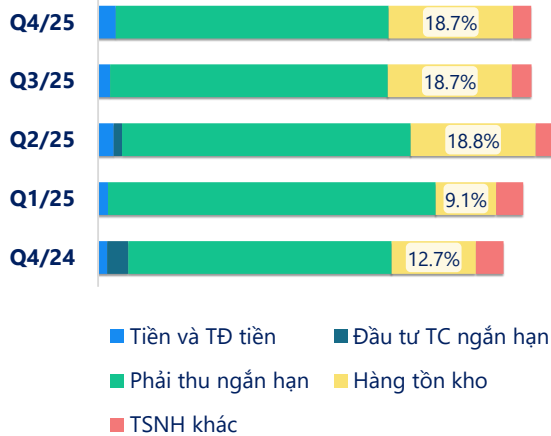
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



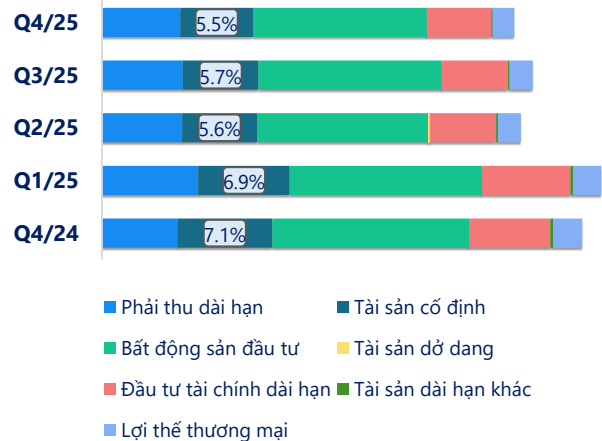
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

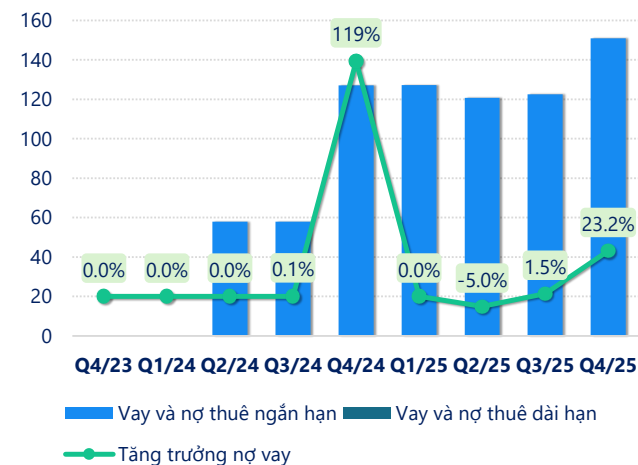
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

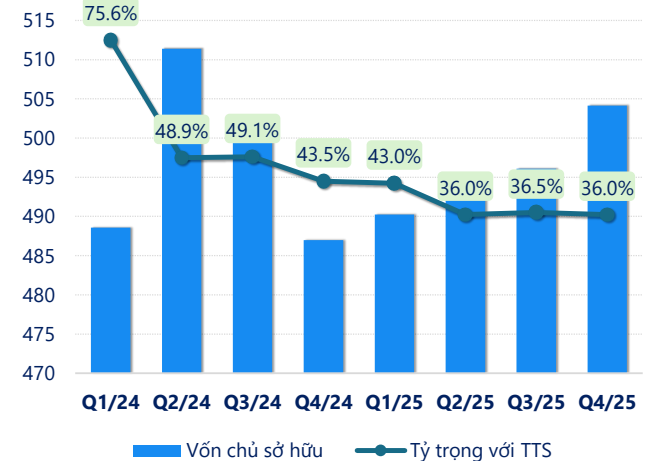
Nợ vay



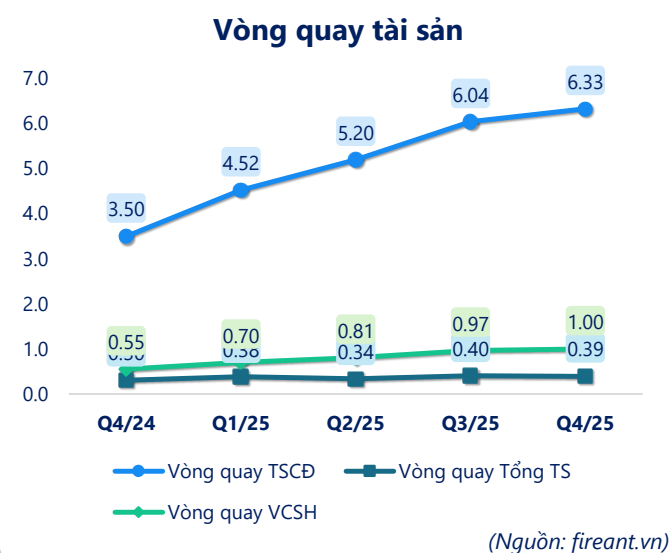
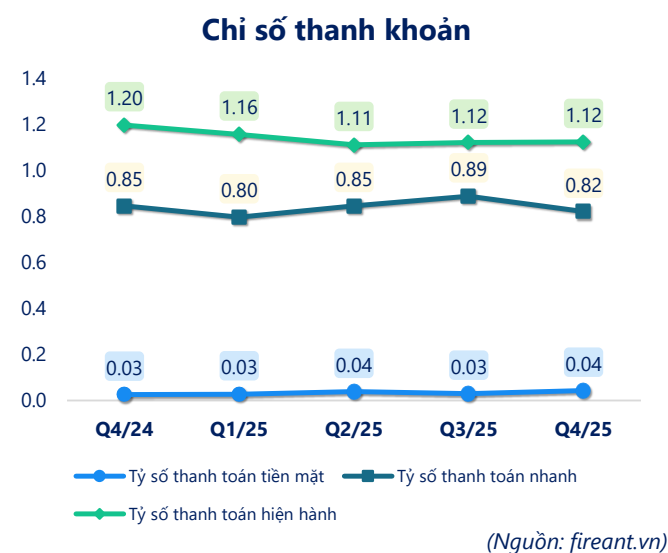
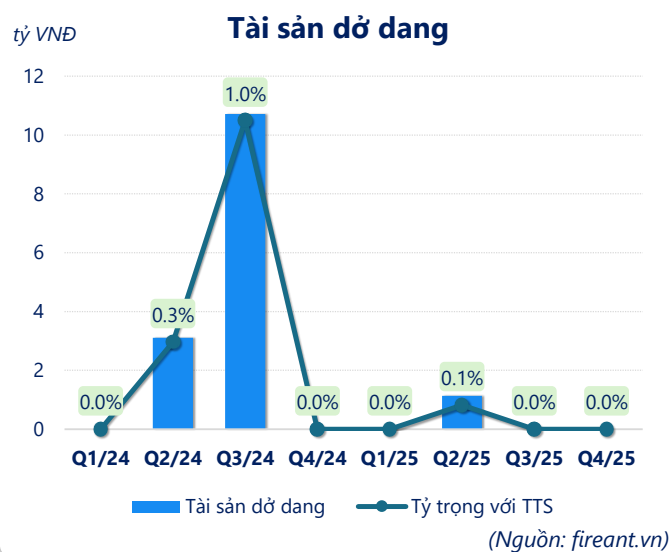
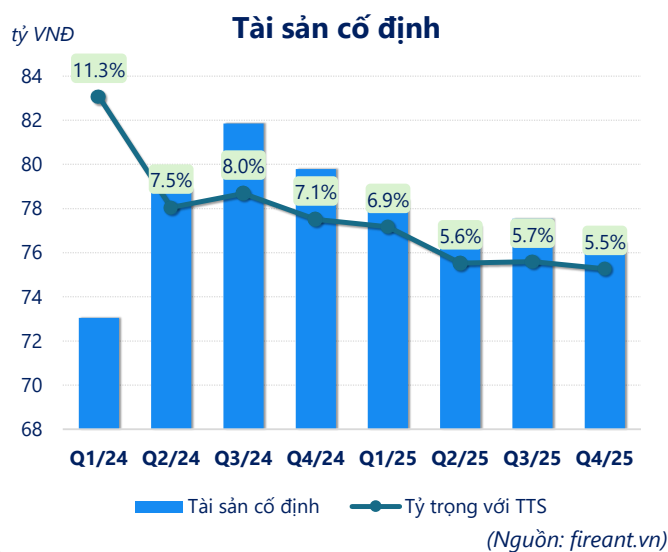
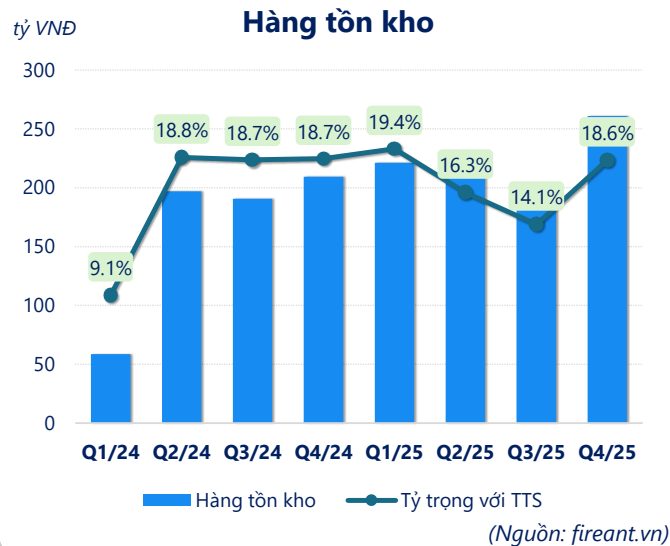
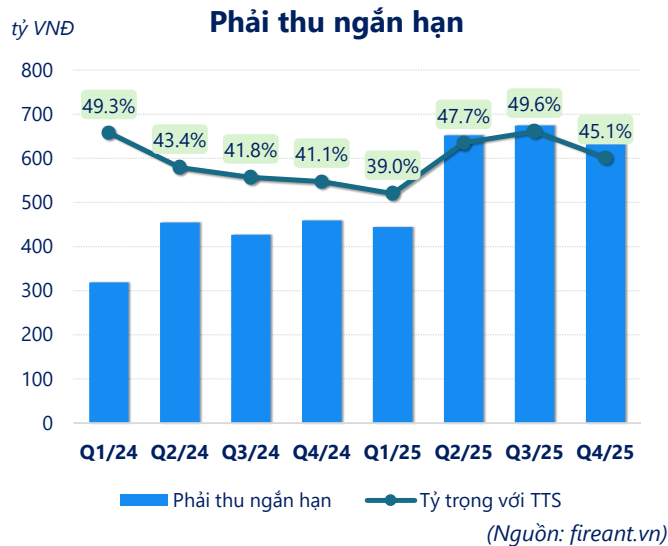
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,119	1,139	1,368	1,361	1,402
Tài sản ngắn hạn	715	711	937	920	967
Tiền và tương đương tiền	15.4	17.0	32.2	24.8	37.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	459	444	652	674	632
Hàng tồn kho	209	221	223	192	261
Tài sản ngắn hạn khác	30.4	28.7	29.3	29.1	36.9
Tài sản dài hạn	404	428	431	441	435
Phải thu dài hạn	63.5	82.5	82.5	82.7	82.7
Tài sản cố định	79.8	78.4	77.2	77.5	76.4
Bất động sản đầu tư	166	165	177	187	183
Tài sản dở dang	0	0	1.13	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	68.3	75.8	68.3	68.3	68.3
Tài sản dài hạn khác	2.36	1.95	1.82	1.66	1.23
Lợi thế thương mại	24.4	24.2	23.6	23.6	22.9
Nợ phải trả	632	649	876	865	898
Nợ ngắn hạn	597	615	843	820	860
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	127	121	123	151
Phải trả người bán ngắn hạn	150	150	142	137	167
Nợ dài hạn	34.7	33.9	32.9	44.6	37.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	487	490	492	496	504
Vốn chủ sở hữu	487	490	492	496	504
Vốn điều lệ	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)